

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HS-PT

Ngày: 17 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân và bà Từ Thị Hải Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Hoàng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 61/2025/HSPT ngày 05 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Võ Thị H do có kháng cáo của bị cáo Võ Thị H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2025/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch nay là Toà án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- **Bị cáo kháng cáo:** Võ Thị H, sinh ngày 09/02/1975, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình nay là thôn T, xã Q, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Tư vấn tài chính; trình độ học vấn: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Ngọc T và bà Bùi Thị H1 (hay còn gọi Võ Thị H2) (đều đã chết); có chồng là Võ Xuân D (đã chết) và 03 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo không bị bắt tạm giam giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác, nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến 2023, H đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao thực hiện tham ô tài sản do H được giao quản lý, gây thiệt hại 116.000.000 đồng. Ngoài ra, H còn thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 02 khách hàng gây thiệt hại 90.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

*** Hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao thực hiện hành vi tham ô tài sản:**

- *Lần thứ nhất:* Ngày 10/10/2018, ông Võ Văn T1 ký, mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 1432211. Hợp đồng có phí đóng 12.000.000 đồng/năm; hạn đóng phí trước ngày 10/10 hàng năm. Từ năm 2020, Công ty TNHH B (gọi tắt là Công ty B) giao cho Võ Thị H phụ trách thu tiền phí đóng bảo hiểm hàng năm hợp đồng bảo hiểm nói trên của ông T1. Trong các năm 2020, 2021, 2022, H đã thu phí đóng bảo hiểm của ông T1, nộp cho Công ty theo quy định. Khoảng tháng 9/2023, khi Hợp đồng bảo hiểm của ông T1 đến hạn đóng phí năm 2023, ông T1 đóng tiền phí bảo hiểm năm 2023 và đã đưa cho H tổng số tiền 12.000.000 đồng. Sau khi lập phiếu thu tiền của ông T1, H không nộp cho Công ty mà chiếm đoạt số tiền trên.

- *Lần thứ hai:* Ngày 12/02/2020, bà Phạm Thị T2 ký, mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 1478187 của Công ty B. Hợp đồng có phí đóng 12.000.000 đồng/năm; hạn đóng phí trước ngày 12/02 hàng năm. Trong các năm 2020, 2021, 2022, mỗi năm H đã thu tiền phí bảo hiểm của bà T2 với số tiền 12.000.000 đồng, đã nộp lên Công ty theo quy định. Đầu tháng 01/2023, sau khi lập phiếu thu tiền của bà T2, H không nộp cho Công ty mà chiếm đoạt số tiền trên.

- *Lần thứ ba:* Ngày 29/6/2018, bà Võ Thị D1 ký, mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 1406263 của Công ty B, thông qua Võ Thị H. Hợp đồng có phí đóng 10.000.000 đồng/năm, hạn đóng phí vào trước ngày 29/6 hàng năm. Trong các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, H đã thu phí đóng bảo hiểm của bà D1, nộp cho Công ty theo quy định. Khoảng tháng 6/2023, sau khi lập phiếu thu tiền bảo hiểm của bà D1 với số tiền 10.000.000 đồng, H không nộp cho Công ty mà chiếm đoạt số tiền trên

- *Lần thứ tư:* Ngày 26/3/2019, bà Võ Thị D1 ký, mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 1454136 của Công ty B. Hợp đồng có mức đóng phí 12.000.000 đồng/năm, thời hạn đóng phí trước ngày 26/3 hàng năm. Trong các năm 2019, 2020, 2021, 2022, H thu tiền phí đóng hợp đồng bảo hiểm trên của bà D1, nộp cho Công ty theo quy định. Tháng 02/2023, sau khi lập phiếu thu tiền bảo hiểm của bà D1 với số tiền 12.000.000 đồng. H không nộp cho Công ty mà chiếm đoạt số tiền trên.

- *Lần thứ năm:* Ngày 31/7/2019, bà Võ Thị D1 ký, mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 1464799 của Công ty B. Hợp đồng bảo hiểm trên bà D1 ký, mua hộ cho con gái là chị Bùi Thị H3. Hợp đồng mang tên chị Bùi Thị H4, phí đóng hợp đồng bảo hiểm là 20.000.000 đồng/năm, thời hạn đóng phí trước ngày 31/7 hàng năm. Tại thời điểm ký hợp đồng, bà D1 đã nộp tiền phí đóng bảo hiểm năm 2019 với số tiền 20.000.000 đồng. Trong các năm 2020, 2021, 2022, H thu tiền phí đóng hợp đồng bảo hiểm trên của chị H3 thông qua D1, nộp cho Công ty theo quy định. Khoảng tháng 7/2023, sau khi lập phiếu thu của bà D1 số tiền 20.000.000 đồng, H không nộp cho Công ty mà chiếm đoạt số tiền trên.

- *Lần thứ sáu:* Ngày 27/6/2020, chị Nguyễn Thị Thanh K, mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 1484713 của Công ty B thông qua Võ Thị H. Hợp đồng có mức đóng phí 20.000.000 đồng/năm, thời hạn đóng phí trước ngày 27/6 hàng năm. Tại thời điểm ký hợp đồng bảo hiểm, chị T3 đã nộp phí bảo hiểm năm 2020 với

số tiền 20.000.000 đồng. Từ năm 2021, chị T3 nhờ mẹ đẻ là bà Phạm Thị T4 nộp tiền phí bảo hiểm thay cho chị T3, H thu tiền và nộp lên Công ty Đ. Khoảng tháng 06/2023, sau khi thu tiền của bà T4 số tiền là 20.000.000 đồng, H đã chiếm đoạt số tiền trên mà không nộp cho Công ty. Ngày 26/02/2024, Hợp đồng bị mất hiệu lực do chưa nộp phí đúng hạn.

- *Lần thứ bảy*: Ngày 17/12/2019, bà Phạm Thị T4 đã ký, mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 3052745 của Công ty B thông qua Võ Thị H. Hợp đồng đứng tên người mua, người thụ hưởng là chị Nguyễn Thị T5 (con gái bà T4). Hợp đồng có mức phí đóng 15.000.000 đồng/năm, thời hạn đóng phí bảo hiểm trước ngày 17/12 hàng năm do bà T4 nộp hộ. Các năm 2019, 2020, 2021, Võ Thị H đã thu tiền phí đóng bảo hiểm hợp đồng của chị T5 thông qua bà T4, nộp cho Công ty đúng quy định. Khoảng tháng 12/2022, sau khi thu tiền của bà T4 số tiền 15.000.000 đồng, H không nộp cho Công ty mà chiếm đoạt số tiền trên. Ngày 17/12/2022, Hợp đồng bảo hiểm của chị T5 bị mất hiệu lực do không nộp phí đúng thời hạn. Ngày 15/02/2024, Hợp đồng được phục hồi do đã đóng phí đầy đủ.

*** Hành vi tham ô tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản:**

- *Lần thứ nhất*: Vào ngày 10/6/2019, chị Bùi Thị Phương N đã ký Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của Công ty B, thông qua Đại lý bảo hiểm là Võ Thị H. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 1460923, có hiệu lực từ ngày 11/6/2019; hợp đồng đóng phí bảo hiểm là 15.000.000 đồng/năm, hạn đóng phí hàng năm là trước ngày 11/6. Tại thời điểm mua, chị N đã nộp tiền phí bảo hiểm năm 2019 cho H với số tiền 15.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 6/2020, H liên lạc với chị N để thu tiền phí bảo hiểm năm 2020, nhưng chị N bảo chưa có tiền nộp và xin nộp chậm đến cuối năm 2020. Đến khoảng tháng 9/2020, H nhận được thông báo của Công ty B về việc Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của chị N bị mất hiệu lực, H không nói cho chị N biết, đến khoảng tháng 01/2021, chị N gọi H đến thu tiền phí bảo hiểm, H thu tiền bảo hiểm của chị N1 nhưng không cho Công ty mà chiếm đoạt số tiền trên.

Khoảng tháng 6/2021, mặc dù biết Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của chị N đã mất hiệu lực, nhưng H không nói cho chị N2 biết, mà vẫn tiếp tục thu tiền bảo hiểm của chị N. Sau khi thu tiền của chị N, H không nộp số tiền thu được cho công ty. Sau đó, H báo với Công ty bị mất cuốn Phiếu thu tiền, trong đó có Phiếu thu tiền nói trên. Khoảng tháng 6/2022, cũng bằng thủ đoạn trên, H tiếp tục liên lạc với N bảo đóng phí bảo hiểm mỗi năm 15.000.000 đồng của năm 2022 và năm 2023 sử dụng mục đích cá nhân. Ngày 10/6/2023, sợ bị Công ty phát hiện việc thu tiền phí đóng bảo hiểm của chị N không nộp cho Công ty B, nên H tự đến Văn phòng tổng đại lý Công ty B tại thị xã B mở hợp đồng bảo hiểm nhân thọ mới mang tên Bùi Thị Phương N, với phí đóng 15.000.000 đồng năm, hợp đồng số 3901323. Khi mở hợp đồng bảo hiểm mới, H không báo cho chị N biết, đồng thời cũng không nói cho công ty biết về việc tự mở hợp đồng cho chị N. Tại thời điểm mở hợp đồng đã đóng phí bảo hiểm năm 2022 với số tiền 7.500.000 đồng (nửa năm tiền phí bảo hiểm). Tổng số tiền Võ Thị H đã chiếm đoạt của chị Bùi Thị Phương N là 60.000.000 đồng. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của chị Bùi Thị Phương N bị mất hiệu lực từ ngày 11/6/2020.

- *Lần thứ hai*: Ngày 17/12/2019, bà Phạm Thị N3 đã ký Hợp đồng bảo hiểm

nhân thọ số 3052920 của Công ty B, thông qua Đại lý bảo hiểm Võ Thị H. Hợp đồng có mức phí đóng mỗi năm là 15.000.000 đồng. Thời hạn đóng phí hàng năm là trước ngày 17/12. Đến khoảng tháng 12/2020, H liên lạc với bà N3 để thu tiền phí bảo hiểm, nhưng bà N3 bảo chưa có tiền đóng, hẹn đến cuối tháng 12/2020 sẽ đóng tiền phí. Ngày 28/12/2020, H đến thu tiền phí bảo hiểm năm 2020 của bà N3 với số tiền là 15.000.000 đồng. Sau khi thu tiền xong, H sử dụng vào mục đích cá nhân, không nộp cho Công ty. Ngày 15/02/2021, Công ty B thông báo cho H về việc hợp đồng bảo hiểm của bà N3 bị mất hiệu lực, với lý do khách hàng không đóng phí đúng thời gian quy định. Đến khoảng tháng 12/2021, mặc dù biết hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của bà N3 bị mất hiệu lực, nhưng H không thông báo cho bà N3 biết về việc hợp đồng đã bị mất hiệu lực, mà vẫn tiếp tục liên lạc với bà N3 để thu tiền phí đóng bảo hiểm năm 2021 với số tiền 15.000.000 đồng. Sau khi thu tiền, H sử dụng Phiếu thu tiền do Công ty cấp viết Phiếu thu tiền liên 2 giao cho bà N3 cất giữ mà không viết Phiếu thu tiền liên 1. Sau đó, H báo với Công ty về việc bị mất cuốn Phiếu thu, trong đó có Phiếu thu tiền nói trên. Số tiền trên H sử dụng vào mục đích cá nhân. Cũng bằng thủ đoạn trên, tháng 12/2022 H liên lạc thu tiền phí bảo hiểm với số tiền 15.000.000 đồng của chị N3. Tổng số tiền Võ Thị H thu phí hợp đồng bảo hiểm của bà N3 là 45.000.000 đồng. Trong đó, có 15.000.000 đồng thu phí trước khi hợp đồng bị mất hiệu lực, 30.000.000 đồng thu phí sau khi hợp đồng bị mất hiệu lực. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của bà Phạm Thị N3 bị mất hiệu lực từ ngày 17/12/2020.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã tạm giữ các tài liệu, đồ vật gồm: Các Phiếu thu tiền của Công ty TNHH B do Võ Thị H sử dụng viết thu tiền phí bảo hiểm của các khách hàng: 01 Phiếu thu tiền - Liên 2, số DT/05 1978299; 01 Phiếu thu tiền - Liên 2, số DT/05 3329288; 01 Phiếu thu tiền - Liên 2, số DT/05 5125477; 01 Phiếu thu tiền - Liên 2, số DT/05 3329286; 01 Phiếu thu tiền - Liên 2, số PT/5125480; 01 Giấy ghi đã thu tiền phí bảo hiểm (thu của bà Phạm Thị N3), do Võ Thị H thu, đề ngày 28/12/2020 (viết tay, không theo mẫu, bản phô tô); Giấy viết tay H sử dụng ghi thu phí của ông Nguyễn Văn T6: 01 Giấy ghi đã thu tiền phí của ông Nguyễn Văn T6, người thu là Võ Thị H, đề ngày 18/9/2023 (viết tay, không theo mẫu, bản phô tô); 01 Phiếu thu tiền - Liên 2, số PT/05 5748426; 01 Phiếu thu tiền - Liên 2, số PT/05 3369842; 01 Phiếu thu tiền - Liên 2, số DT/05 1893592; 01 Phiếu thu tiền - Liên 2, số DT/05 3329289; Phiếu thu tiền - Liên 2, số DT/05 332941. Các vật chứng trên được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H đã nộp cho Công ty B số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt được của Công ty nên hợp đồng bảo hiểm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên đã được khôi phục.

Đối với hợp đồng bảo hiểm của chị N, Công ty B đã thanh toán cho chị N số tiền 60.000.000 đồng. Chị N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 46/CT-VKSQT ngày 15 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Võ Thị H về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự và 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án số 18/2025/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm c, d khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38. Điều 54, Điều 55 của Bộ luật Hình sự; Tuyên xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Thị H phạm tội “Tham ô tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Võ Thị H 05 năm tù về tội “Tham ô tài sản” và 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo về trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 05 tháng 5 năm 2025, bị cáo Võ Thị H kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Tại phiên toà phúc thẩm: Bị cáo H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo, giảm từ 18 - 24 tháng tù đối với tội Tham ô tài sản và giảm 06 tháng tù đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo không tranh luận gì thêm, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, lời khai của bị cáo, bị hại và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và bản án sơ thẩm đã xét xử. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, số tiền đã chiếm đoạt và các tài liệu khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở xác định: Bản án hình sự sơ thẩm đã xét xử bị cáo và quyết định bị cáo phạm tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, hành vi tham ô tài sản và chiếm đoạt tài sản của bị cáo Võ Thị H không chỉ xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của

tổ chức, cá nhân khác mà còn gây mất trật tự và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt, cần xử phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả; bị cáo có bổ ruột là người có công với cách mạng; bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã có đơn miễn và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đã khắc phục bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự cho bị hại và cung cấp Giấy khen do UBND tỉnh Q tặng do bị cáo có thành tích trong lao động sản xuất và làm từ thiện là những tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo để sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo Võ Thị H không phải chịu.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357; khoản 2 các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị H; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2025/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị về phần hình phạt.

Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm c, d khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54, Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Võ Thị H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Võ Thị H không phải chịu.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND khu vực 3, tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNVCS CAQB (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn THS, VP TAQB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thái Sơn